TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày: 30/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hùng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Nguyễn Văn Cơ

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát quận L, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh H - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 173/2024/TLST - HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Quang T (Tên gọi khác: không), sinh ngày: 29/4/1991 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn V (sn: 1958) và bà Trịnh Thị N (sn: 1958); Gia đình có 02 chị em bị can là con thứ hai;Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo hiện đang tạm giam từ ngày 05.5.2023, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo Bùi Quang T - Luật sư **Trần Q** - Văn phòng L3 thuộc đoàn luật sư thành phố Đ, có mặt.

Bị hại:

Ông **Vũ Xuân C**, sinh năm 1979; địa chỉ: K đường P, tổ A phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Ông **Phạm Hồng Phan T1**, sinh năm 1991; địa chỉ: K đường T, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Bích T2, sinh năm 1992; địa chỉ: K đường T, tổ C phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1992; địa chỉ: K đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Bà Lê Phạm Thu T3, sinh năm 1995; địa chỉ: K đường T, tổ A phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2022, do cần tiêu tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Bùi Quang T nảy sinh ý định làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 6/2020, qua giới thiệu của bạn là Phạm Hồng Phan T1, T biết ông Vũ Xuân C hành nghề buôn bán bất động sản nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông C, bằng cách đưa ra các thông tin gian dối về việc T là cán bộ thuộc Ngân hàng N1 và mời chào ông C mua các dự án bất động sản mà Ngân hàng N1 đang thanh lý gồm: Dự án có tên SK-144 khách sạn S đường V, thành phố Đà Nẵng giá tiền 145.476.000.000 đồng và dự án ALC 21 là khách sạn A địa chỉ đường V, thành phố Đà Nẵng giá 345.354.000.000 đồng. Thoại hứa hẹn nếu ông C đồng ý mua lại các dự án bất động sản thanh lý của Ngân hàng N1 thì T sẽ hỗ trợ về các thủ tục, hồ sơ pháp lý để giúp C mua được các dự án bất động sản nói trên với chi phí 200.000.000 đồng, tin tưởng T nên ông C đồng ý mua các dự án nói trên. Để ông C tin tưởng và chuyển tiền chi phí làm thủ tục hồ sơ, T sử dụng máy tính cá nhân nhãn hiệu Vaio để truy cập internet tìm kiếm và tải các hình ảnh văn bản do Ngân hàng N1 ban hành rồi Thoại chỉnh sửa các nội dung trên các hình ảnh nói trên, trong đó có chứa các nội dung Nguyễn Văn T4 - Trưởng phòng Pháp chế Ngân hàng N1 và các nội dung liên quan đến việc bán dự án. Sau khi làm ra các tài liệu giả chứa các thông tin nói trên, T4 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Apple chụp lại và gửi cho ông C thông qua ứng dụng Zalo trên điện thoại. Sau đó, từ tháng 6/2020 đến tháng 4/2022, ông C đã nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển tiền theo yêu cầu của T4 vào các tài khoản ngân hàng T7 số 00766973402 mang tên Bùi

Quang T và tài khoản ngân hàng B số 5611000067056 mang tên Phạm Hồng Phan T1, với tổng số tiền 212.000.000 đồng. Trong thời gian trên thì ông C có nhiều lần điện hỏi về tiến độ dự án thì T tiếp tục hứa hẹn và làm giả thêm các tài liệu khác của Ngân hàng N1 để gửi hình ảnh các tài liệu trên cho C qua ứng dụng Zalo để C tin tưởng và tiếp tục chờ đợi. Tuy nhiên, do thời gian quá lâu nên ông C nghi ngờ và tìm hiểu thì biết T không phải là cán bộ của Ngân hàng N1, biết mình bị lừa ông C làm đơn tố cáo đến Công an quận L và giao nộp 01 Phiếu thu ghi ngày 20/4/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, người nộp tiền Vũ Xuân C, Kế toán trưởng Doãn Minh H1; 01 Biên Bản Đảm Bảo ghi ngày 03/04/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Trưởng phòng pháp chế Bùi Quang T; 01 Biên Bản Yêu Cầu ghi ngày 17/5/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Trưởng Phòng P; U, Thanh Tra Viên Nguyễn Minh Đ; Đại diện khách sạn T8; 02 Biên Bản C ghi ngày 15/4/2022, có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Phó Giám Đốc Chi Nhánh Phạm Quan L1, Đại diện nhà đầu tư Vũ Xuân C- là tài liệu mà Bùi Quang T đã làm giả và cung cấp cho ông C.

Vụ thứ hai: Với thủ đoạn nêu trên, Bùi Quang T đã mời chào ông Phạm Hồng Phan Tân m các dự án bất động sản mà Ngân hàng N1 đang thanh lý và làm giả 01 Biên bản cam kết mang tên Phạm Hồng Phan Tân ghi ngày 15/4/2022, có nội dung hình dấu đỏ Ngân hàng N1; 01 Biên bản đảm bảo ghi ngày 03/4/2022, có nội dung hình dấu đỏ Ngân hàng N1 và nội dung ký ghi rõ họ tên Bùi Quang T để ông T1 tin tưởng. Qua đó, đã lừa đảo chiếm đoạt của ông Phạm Hồng Phan Tân s tiền 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà Bùi Quang T đã chiếm đoạt là 312.000.000 đồng.

Ngoài ra trong tháng 5 năm 2022, Bùi Quang T có kinh doanh xe máy cũ nên để thuận lợi cho việc bán các xe mô tô cũ của mình thì T đã làm giả các tài liệu của Ngân hàng N1 về việc bán thanh lý xe mô tô, xe máy nhằm mục đích bán xe mô tô cũ của T cho bà Lê Thị Bích T2 (Sinh năm: 1992; Trú tại: tổ C phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng), ông Nguyễn Hoàng L (Sinh năm: 1992; Trú tại: tổ G, A, quận S, Đà Nẵng) và bà Lê Phạm Thu T3 (Sinh năm: 1995; Trú tại: tổ A, phường T, quận T, Đà Nẵng). Tuy nhiên, quá trình giao dịch mua bán xe thanh lý thì những người trên không mua xe của T nữa nên T đã hoàn trả toàn bộ số tiền cọc mà những người này đã đưa.

Theo Kết luận giám định số 165/KL-KTHS ngày 02.3.2023 của Phòng K Công an thành phố Đ và Kết luận giám định số 1754/KL-KTHS ngày 27.11.2023

của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Hình dấu có nội dung "Ngân hàng N1" trên các tài liệu thu giữ cần giám định là giả.

Vật chứng thu giữ: 01 Phiếu thu ghi ngày 20/4/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, người nộp tiền Vũ Xuân C, Kế toán trưởng Doãn Minh H1; 01 Biên Bản Đảm Bảo ghi ngày 03/04/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Trưởng phòng pháp chế Bùi Quang T; 01 Biên Bản Yêu Cầu ghi ngày 17/5/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Trưởng Phòng Pháp Chế Bùi Quang T; 02 Biên Bản Cam Kết ghi ngày 15/4/2022, có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Phó Giám Đốc Chi Nhánh Phạm Quan L1, Đại diện nhà đầu tư Vũ Xuân C; 09 (chín) "PHIẾU THU", trên góc bên trái đóng dấu treo mang tên Ngân hàng N1, có nội dung cụ thể: Người nộp tiền: Phạm Hoàng L2, đề ngày 20/4/2022, số: TL-01-22, quyển số: 03 (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Phạm Hồng Phan T1, đề ngày 20/4/2022, số: 18- CT-21, quyển số: 35 (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Phạm Hồng Phan T1, đề ngày 20/4, số: 12-CT8-MU, quyển số: 09 (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Lê Thị Bích T2, đề ngày 14/5/2022, số: 12-NHLD, quyển số: CT01-02UD (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Lê Thị Bích T2, không đề ngày tháng năm, số: 12-NHLD, quyển số: CT01-02UD (05 phiếu thu); 11 (mười một) "BẢN CAM KẾT" , có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, đề các ngày: 23/01/2022 (04 bản); 15/4/2022 (07 bản); 07 (bảy) "BIÊN BẢN XÁC NHẬN", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, đề xác ngày: 14/5/2022 (03 bản); 03/5/2022 (04 bản); 03 (ba) "BIÊN BẢN ĐẢM BẢO", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, cùng đề ngày 03/4/2022; 04 (bốn) "QUYẾT ĐỊNH Về việc công bố trúng thầu các dự án", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, cùng đề ngày 03/4/2022; 02 (hai) "HỢP ĐỒNG CAM KẾT Về việc giữ nguyên giá và chính sách dự án trong năm 2020", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, không đề ngày tháng năm; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu S1 (không có pin và dây sạc); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Apple.

Về dân sự: Trong quá trình giải quyết, Bùi Quang T đã bồi thường cho ông Vũ Xuân C số tiền 135.400.000 đồng, ông Phạm Hồng Phan Tân s tiền 15.000.000 đồng, ông C và ông T1 tiếp tục yêu cầu T bồi thường số tiền còn lại đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số: 172/CT-VKS, ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Bùi Quang Thoại về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Bùi Quang T về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số: 172/CT-VKS, ngày 30/11/2023. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Quang T mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* và áp dụng khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Quang T mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Quang T luật sư Trần Q tại phiên tòa thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Luật sư Trần Q đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Bùi Quang T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Quang T đã khai nhận: Từ tháng 6.2020 đến tháng 5.2022, tại địa bàn quận L, TP ., Bùi Quang T có hành vi làm giả 41 tài liệu có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1 và lừa đảo chiếm đoạt số tiền 212.000.000 của ông Vũ Xuân C, 100.000.000 đồng của ông Phạm Hồng Phan T1 để tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền mà Bùi Quang T đã chiếm đoạt là 312.000.000 đồng.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng số: 174/CT-VKS ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Để thực hiện hành vi lừa đảo bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối như bị cáo làm ở ngân hàng N1, đưa ra các thông tin về bất động sản, làm giả các tài liệu của ngân hàng N1. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan nhà nước trong quản lý hành chính, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an của xã hội; do đó cần thiết xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo Bùi Quang T phạm tội thuộc trường hợp *"Phạm tội 2 lần trở lên"* nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Tuy nhiên xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường, khắc phục một phần hậu cho người bị hại; bị cáo có bà ngoại có công cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Xét thấy đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử bị cáo Bùi Quang T ở khung hình phạt liền kề nhẹ hơn.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án: 01 Phiếu thu ghi ngày 20/4/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, người nộp tiền Vũ Xuân C, Kế toán trưởng Doãn Minh H1; 01 Biên Bản Đảm Bảo ghi ngày 03/04/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Trưởng phòng pháp chế Bùi Quang T; 01 Biên Bản Yêu Cầu ghi ngày 17/5/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Trưởng Phòng Pháp Chế Bùi Quang T; 02 Biên Bản Cam Kết ghi ngày 15/4/2022, có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Phó Giám Đốc Chi Nhánh

Phạm Quan L1, Đại diện nhà đầu tư Vũ Xuân C; 09 (chín) "PHIẾU THU", trên góc bên trái đóng dấu treo mang tên Ngân hàng N1, có nội dung cụ thể: Người nộp tiền: Phạm Hoàng L2, đề ngày 20/4/2022, số: TL-01-22, quyển số: 03 (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Phạm Hồng Phan T1, đề ngày 20/4/2022, số: 18- CT-21, quyển số: 35 (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Phạm Hồng Phan T1, đề ngày 20/4, số: 12-CT8-MU, quyển số: 09 (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Lê Thị Bích T2, đề ngày 14/5/2022, số: 12-NHLD, quyển số: CT01-02UD (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Lê Thị Bích T2, không đề ngày tháng năm, số: 12-NHLD, quyển số: CT01-02UD (05 phiếu thu); 11 (mười một) "BẢN CAM KẾT" , có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, đề các ngày: 23/01/2022 (04 bản); 15/4/2022 (07 bản); 07 (bảy) "BIÊN BẢN XÁC NHẬN", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, đề xác ngày: 14/5/2022 (03 bản); 03/5/2022 (04 bản); 03 (ba) "BIÊN BẢN ĐẢM BẢO", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, cùng đề ngày 03/4/2022; 04 (bốn) "QUYẾT ĐỊNH Về việc công bố trung thầu các dự án sau", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, cùng đề ngày 03/4/2022; 02 (hai) "HỢP ĐỒNG CAM KẾT Về việc giữ nguyên giá và chính sách dự án trong năm 2020", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, không đề ngày tháng năm;

Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vaio (không có pin và dây sạc); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Apple là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là là 312.000.000 đồng. Trong đó, 212.000.000 đồng của ông Vũ Xuân C, 100.000.000 đồng của ông Phạm Hồng Phan Tân . Bùi Quang T đã bồi thường cho ông Vũ Xuân C số tiền 135.400.000 đồng, ông Phạm Hồng Phan Tân s tiền 15.000.000 đồng. Bị hại ông C và ông T1 tiếp tục yêu cầu T bồi thường số tiền còn lại đã chiếm đoạt. Căn vào Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Bùi Quang T phải tiếp tục bồi thường cho ông Vũ Xuân C số tiền 76.600.000 đồng, cho ông Phạm Hồng Phan Tân s tiền 85.000.000 đồng.

[8] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Quang T phải chịu 200.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Qang T5 phải chịu 8.080.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông Vũ Xuân C cho rằng ngoài số tiền 212.000.000 đồng nêu trên thì ông C có đưa thêm cho T5 số tiền 40.000.000 đồng nhưng không có tài

liệu gì chứng minh. Nên không có căn cứ để xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ngoài số tiền lừa đảo nêu trên, Bùi Quang T còn mượn thêm của ông T1 số tiền 181.464.000 đồng và ông T1 đồng ý cho mượn, đây là quan hệ dân sự giữa hai bên nên không quy buộc trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền này. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Quang T phạm tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* và *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

1. Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Quang T 04 năm 06 tháng về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Quang T 03 năm 06 tháng tù về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức"*.

Áp dụng: Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Bùi Quang T phải chấp hành là 08 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 05/5/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án: 01 Phiếu thu ghi ngày 20/4/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, người nộp tiền Vũ Xuân C, Kế toán trưởng Doãn Minh H1; 01 Biên Bản Đảm Bảo ghi ngày 03/04/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Trưởng phòng pháp chế Bùi Quang T; 01 Biên Bản Yêu Cầu ghi ngày 17/5/2022 có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Trưởng Phòng Pháp Chế Bùi Quang T; 02 Biên Bản Cam Kết ghi ngày 15/4/2022, có hình dấu đỏ Ngân hàng N1, Phó Giám Đốc Chi Nhánh Phạm Quan L1, Đại diện nhà đầu tư Vũ Xuân C; 09 (chín) "PHIẾU THU", trên góc bên trái đóng dấu treo mang tên Ngân hàng N1, có nội dung cụ thể: Người nộp tiền: Phạm Hoàng L2, đề ngày 20/4/2022, số: TL-01-22, quyển số: 03 (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Phạm Hồng Phan T1, đề ngày 20/4/2022, số: 18- CT-21, quyển số:

35 (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Phạm Hồng Phan T1, đề ngày 20/4, số: 12-CT8-MU, quyển số: 09 (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Lê Thị Bích T2, đề ngày 14/5/2022, số: 12-NHLD, quyển số: CT01-02UD (01 phiếu thu); Người nộp tiền: Lê Thị Bích T2, không đề ngày tháng năm, số: 12-NHLD, quyển số: CT01-02UD (05 phiếu thu); 11 (mười một) "BẢN CAM KẾT" , có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, đề các ngày: 23/01/2022 (04 bản); 15/4/2022 (07 bản); 07 (bảy) "BIÊN BẢN XÁC NHẬN", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, đề xác ngày: 14/5/2022 (03 bản); 03/5/2022 (04 bản); 03 (ba) "BIÊN BẢN ĐẢM BẢO", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, cùng đề ngày 03/4/2022; 04 (bốn) "QUYẾT ĐỊNH Về việc công bố trung thầu các dự án sau", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, cùng đề ngày 03/4/2022; 02 (hai) "HỢP ĐỒNG CAM KẾT Về việc giữ nguyên giá và chính sách dự án trong năm 2020", có đóng dấu tròn mang tên Ngân hàng N1, không đề ngày tháng năm.

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vaio (không có pin và dây sạc); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Apple (Máy tính và điện thoại hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/01/2024).

3. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Quang T phải tiếp tục bồi thường cho ông Vũ Xuân C số tiền 76.600.000đ (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), cho ông Phạm Hồng Phan Tân s tiền 85.000.000 (T6 mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Bùi Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* và 8.080.000đ (Tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Viện KSND q. Liên Chiểu;*
- *Viện KSND TP. Đà Nẵng;*
- *Công an q. Liên Chiểu;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Trại tạm giam CATPĐN;*
- *Chi cục THADS q . Liên Chiểu;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng